

Bản án số: 27/2019/DS - ST.

Ngày: 28 - 11 - 2019.

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST - DS, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST - DS, ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943; địa chỉ: Số nhà 05, ấp Tư, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1; sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp Tư, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2012, ông Nguyễn Văn T1 là chủ hui, ông Nguyễn Văn T là hui viên có tham gia góp hui với nhau 04 dây hui mở vào các thời gian: Ngày 20/8/2010, ngày 30/8/2012, ngày 25/6/2010 và ngày 15/9/2010; các dây hui được mở lần lượt đến ngày 11/6/2012 thì ông T1 tuyên bố vỡ hui và không thu tiền hui của các hui viên nữa. Ngoài ra, ông T1 có nhờ ông T vay tiền ngân hàng dùm là 45.000.000 đồng. Vào ngày 11/6/2012 ông T1 lập biên nhận chốt lại tiền hui và thừa nhận còn nợ ông T là 51.800.000 đồng và tiền mượn là 45.000.000 đồng, tổng cộng là 96.800.000 đồng. Sau đó, ông T1 đã trả cho ông T số tiền vay ngân hàng là 45.000.000 đồng, tiền hui là 12.000.000 đồng và ông T bớt một khoản tiền hui cho ông T1 nên ông T1 đã lập một biên

nhận ngày 04/02/2013 chốt lại tiền hui và thừa nhận còn nợ ông T là 16.000.000 đồng và thỏa thuận cho ông T đi thu tiền hui của bà M là 8.000.000 đồng, bà T là 3.000.000 đồng còn lại 5.000.000 đồng sẽ trả. Sau đó, ông T có đi thu tiền hui của bà M và bà T nhưng chỉ thu được của bà M 1.000.000 đồng, số tiền còn lại không thu được. Sau đó, ông T1 bỏ địa phương đi đến năm 2018 thì ông T1 trở về, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng ông T1 không trả nên làm đơn yêu cầu gửi đến địa phương giải quyết thì tại buổi hòa giải ngày 03/4/2018 của Tổ hòa giải ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng thì ông T1 thừa nhận còn nợ ông T số tiền hui là 16.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 hoàn trả cho ông T số tiền hui là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận có nợ số tiền hui của ông Nguyễn Văn T là 16.000.000 đồng nhưng ông T1 đã trả cho ông T 02 lần với số tiền là 12.000.000 đồng, cụ thể là theo biên bản hòa giải ngày 03/4/2018 của Tổ hòa giải ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng thì ông T1 đã giao cho ông T thu tiền hui của bà M là 8.000.000 đồng và đã thu được 1.000.000 đồng, thu tiền hui của bà T là 3.000.000 đồng và ông T mua cá và mắm của ông T1 trừ được số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng ông T1 đã trả ông T được số tiền 15.000.000 đồng nhưng khi trả tiền cho ông T1 thì hai bên không có làm biên nhận và ông T1 không có chứng cứ gì để chứng minh. Hiện nay ông T1 chỉ còn nợ ông T số tiền hui là 1.000.000 đồng.

Bị đơn bà ông Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 hoàn trả số tiền hui cho nguyên đơn là 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thống nhất xác định: Ông T1 có nợ ông T số tiền hui là 16.000.000 đồng và tại phiên tòa ông T cũng xác định yêu cầu ông T1 hoàn trả số tiền hui còn nợ và các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng góp hui. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn hoàn trả số tiền hui là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận có nợ ông Nguyễn Văn T số tiền hui là 16.000.000 đồng (bút lục 12, 42, 43) và tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2018 của Tổ hòa giải ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 30, 31) ông Nguyễn Văn T1 cũng thừa nhận có nợ số tiền hui của ông Nguyễn Văn T là 16.000.000 đồng và có làm giấy nợ cho ông T là phù hợp với chứng cứ ông T cung cấp là *“tờ giấy tập học sinh lập ngày 04/02/2013 có nội dung tôi tên Nguyễn Văn T1 còn thiếu tiền hui của chú 3 Thiệt là 16 triệu”*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Nguyễn Văn T1 có nợ ông Nguyễn Văn T số tiền hui là 16.000.000 đồng.

Xét việc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 cho rằng đã trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền là 15.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2018 của Tổ hòa giải ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 30, 31) thể hiện *“...Sau khi thỏa thuận ông T1 phát biểu để trong vòng 3 ngày tôi cùng chú Thiệt trao đổi để trả nợ, 5 triệu tôi hứa vợ tôi về tôi trả. Riêng phần nợ tôi giao cho chú Thiệt nhận của Mầu 8 triệu, cô Trâm 3 triệu chú Thiệt có nhận của cô Mầu 1 triệu còn thiếu 10 triệu để tôi gặp lại cô Mầu và cô Trâm tôi mới tính nợ cho ông T...”*; đồng thời, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T1 cũng khẳng định khi trả tiền cho ông T thì hai bên không có làm biên nhận và ông T1 không có chứng cứ gì để chứng minh và ông Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận có nhận của bà M là 1.000.000 đồng còn số tiền ông T1 trình bày đã trả cho ông T thì ông T không thừa nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn ông Nguyễn Văn T1 còn nợ nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền hui là 15.000.000 đồng; trên cơ sở đó, xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biểu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T1 phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền hui là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T1 phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Cẩm Nhung